

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT GẠO G&G
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT GẠO G&G

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: G&G RICE TRADING AND PRODUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: G&G RICE TP., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108775066

3. Ngày thành lập: 06/06/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

thôn Đồi 2, Xã Đông Phương Yên, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0967.632.234/ 0963.091.423 Fax:

Email: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
3.	Trồng cây mía	0114
4.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
5.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
6.	Trồng cây lấy sợi	0116
7.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
8.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
9.	Trồng cây hàng năm khác	0119
10.	Trồng cây ăn quả	0121
11.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
12.	Trồng cây điều	0123
13.	Trồng cây cao su	0125
14.	Trồng cây chè	0127
15.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
16.	Trồng cây lâu năm khác	0129
17.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
18.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
19.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
20.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
21.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
22.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
23.	Chăn nuôi gia cầm	0146

24.	Chăn nuôi khác Chi tiết- Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh): chó, mèo, thỏ, bò sát, côn trùng; Nuôi ong, nhân giống ong và sản xuất mật ong; Nuôi tằm, sản xuất kén tằm;	0149
25.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
26.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
27.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
28.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
29.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
30.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
31.	Khai thác gỗ	0220
32.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
33.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
34.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
35.	Khai thác thủy sản biển	0311
36.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
37.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
38.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
39.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
40.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
41.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
42.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
43.	Sản xuất đường	1072
44.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
45.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
46.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
47.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
48.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
49.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
50.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
51.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
52.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
53.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
54.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
55.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
56.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
57.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

58.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết - Đại lý mua bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa	4610
59.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631(Chính)
60.	Bán buôn thực phẩm	4632
61.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
62.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
63.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
64.	Bán buôn tổng hợp	4690
65.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
66.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp chi tiết - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4719
67.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
68.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
69.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
70.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá)	4791
71.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ đấu giá)	4799
72.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
73.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
74.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
75.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
76.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
77.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
78.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
79.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

80.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
81.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
82.	Dịch vụ đóng gói	8292
83.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết. Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ xuất khẩu gạo)	8299

6. Vốn điều lệ: 5.600.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	HOÀNG VĂN THU	thôn Hạ Dục, Xã Đồng Phú, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.900.000.000	33,929	001090029162	
2	NGUYỄN GIA LỰC	thôn Đồi 2, Xã Đồng Phương Yên, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.900.000.000	33,929	001090021289	
3	ĐỖ VĂN HẢI	thôn Hoàng Xá, Xã Đồng Phú, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.800.000.000	32,143	001090012737	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HOÀNG VĂN THU

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/03/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001090029162

Ngày cấp: 06/05/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHH và TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Hạ Dục, Xã Đồng Phú, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: thôn Hạ Dục, Xã Đồng Phú, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội